

16 Tháng Ba 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,179.90	-0.39	5.83	57.77
HNX	275.88	0.25	22.67	176.93
UPCOM	80.93	0.13	9.65	61.38
MSCI EM	1,340.25	-0.59	-7.07	60.86
NIKKEI	29,921.09	0.52	-1.79	75.99
HANG SENG	29,027.69	0.67	-5.59	25.86
KOSPI	3,067.17	0.70	-3.04	78.86
FTSE	6,792.32	0.63	0.64	31.86
S&P 500	3,968.94	0.65	0.92	66.33
NASDAQ	13,459.71	1.05	-4.18	94.94

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.18	2.47	13.70
SET INDEX	33.97	1.72	4.36
JCI INDEX	33.64	1.64	4.13
PCOMP INDEX	29.44	1.61	6.15

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (hns)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-200
5 năm	1.10	0	7	-75
10 năm	2.39	2	16	6

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,079	-0.09	-0.36	0.64
US\$/KRW	1,130	0.59	-2.62	8.53
US\$/JPY	109	-0.09	-2.92	-3.11
US\$/EUR	0.84	0.05	1.50	-6.24
US\$/GBP	0.72	0.50	0.50	-11.29
US\$/SGD	1.35	-0.05	-1.46	5.52

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	595	593	314
HNX	91	90	38
UPCOM	40	42	19

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Tiếp tục giảm co tại vùng 1.180 điểm.

VN-Index ngày hôm nay tương đối giảm co, mở phiên trong sắc đỏ. Tuy nhiên khối lượng giao dịch vẫn được duy trì tốt, dòng tiền tương đối cân bằng giữa nhóm Mid-cap và nhóm Blue-chip với tỷ lệ 55%/45%. Kết phiên VN-Index đóng cửa tại 1.179,9 điểm, giảm 4,6 điểm, tương ứng -0,4% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.313 đồng, HNX: 2.762 tỷ đồng, UPCOM: 1.555 tỷ đồng.

Phiên giao dịch ngày hôm nay ghi nhận số mã giảm giá (297) áp đảo số mã tăng giá (162). Nhóm Dầu khí tiếp tục đà điều chỉnh trước tin giá dầu giảm, đặc biệt là những mã tăng nóng trong thời gian qua như BSR, OIL. Nhóm Ngân hàng đa số đều giảm điểm, ngoại trừ điểm sáng SHB (+5,%). Phiên hôm nay ghi nhận mức tăng ấn tượng từ Blue-chip FPT với +5,9%.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng, tuy giá trị giảm so với các phiên trước, đạt xấp xỉ 140 tỷ đồng, trong đó VNM bị bán mạnh nhất với hơn 223 tỷ đồng.

Phiên giao dịch giảm điểm nhẹ khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index được giữ nguyên. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset hiện đã quay về mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	4	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

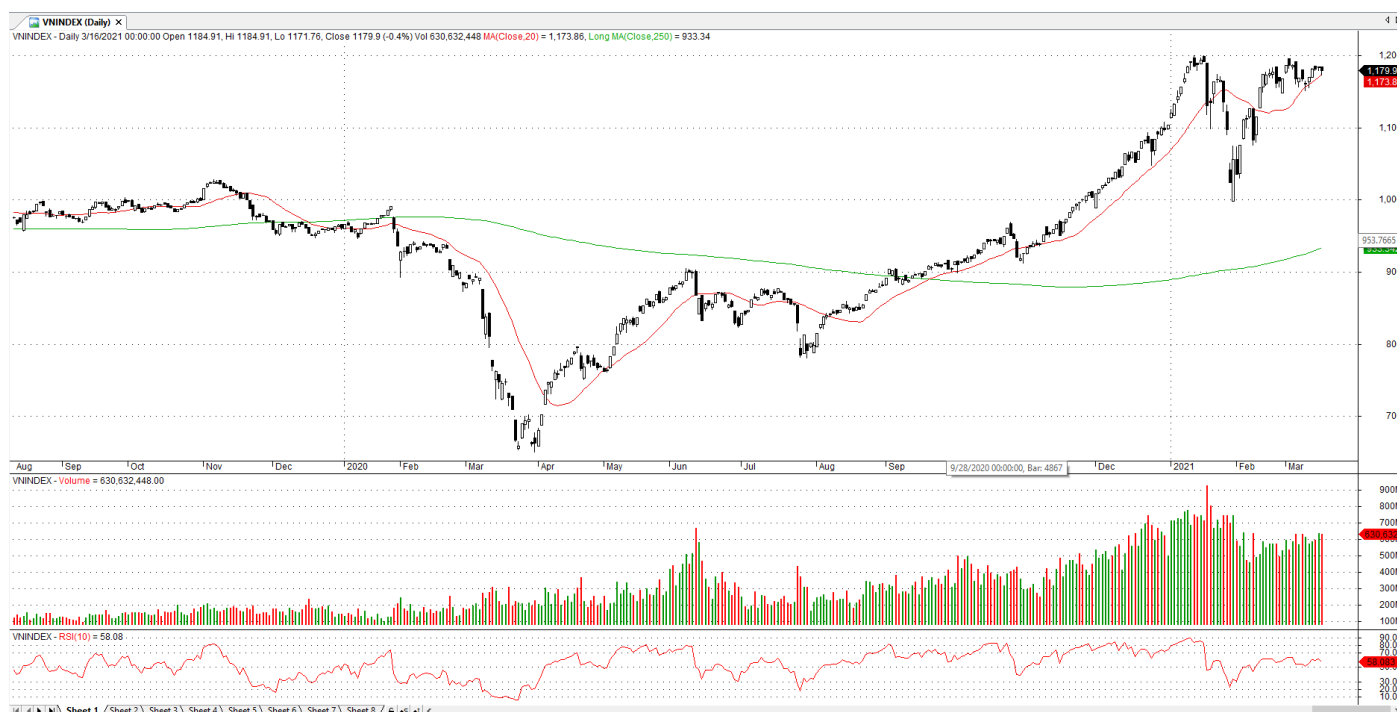
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	0	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (16/03/2021)	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.000

Khi đi vào vùng 1.180 điểm, VN-Index tiếp tục thể hiện xu hướng giằng co như những lần trước tiệm cận 1.200 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

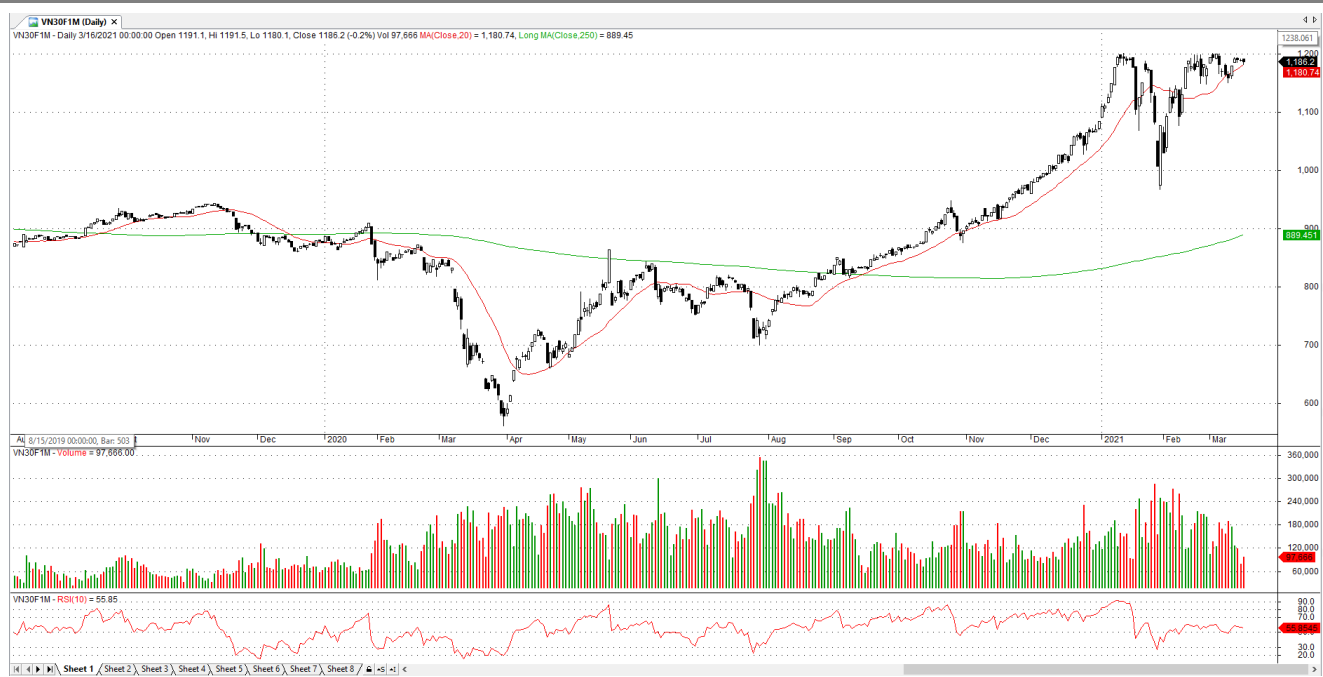
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/03/2021)	1.186	Kháng cự 1	1.200
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.300
VN30 – đóng cửa	1.187	Hỗ trợ 1	1.100
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-1,6	Hỗ trợ 2	1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	+7	KHÁ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	+7	KHÁ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M có phiên giao dịch với biên độ hẹp trước phiên giằng co của thị trường cơ sở.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17	3,560,370	7	KHẢ QUAN	3,770	12.2	1.0
ACB	33.45	11,874,205	2	TRUNG TÍNH	72,304	9.4	2.0
ASM	16.45	3,548,215	0	TRUNG TÍNH	4,258	8.6	0.9
BID	42.4	1,940,805	-4	TIÊU CỰC	170,534	24.4	2.2
BSR	16	17,735,376	0	TRUNG TÍNH	49,608	17.8	1.5
BVH	59.6	648,285	-2	TRUNG TÍNH	44,242	28.6	2.2
CEO	12.2	5,380,355	6	KHẢ QUAN	3,140	#N/A N/A	1.1
CII	23.7	2,580,545	4	KHẢ QUAN	5,660	20.0	1.2
CTD	78.9	910,570	6	KHẢ QUAN	5,861	13.7	0.7
CTG	37.7	9,590,565	-4	TIÊU CỰC	140,372	10.3	1.7
CTR	100.8	533,445	2	TRUNG TÍNH	7,236	39.2	8.0
DBC	61.8	2,392,065	7	KHẢ QUAN	6,474	4.5	1.5
DCM	16.35	4,678,505	0	TRUNG TÍNH	8,656	15.9	1.4
DGC	74.6	898,915	4	KHẢ QUAN	11,098	13.0	2.8
DGW	131.5	348,330	7	KHẢ QUAN	5,655	22.2	4.9
DHC	85.1	426,190	3	TRUNG TÍNH	4,765	12.3	3.4
DIG	31.25	4,543,090	-2	TRUNG TÍNH	9,842	15.0	2.1
DPM	18.7	2,897,920	2	TRUNG TÍNH	7,318	11.2	0.9
DRC	27.6	1,877,725	-2	TRUNG TÍNH	3,279	12.8	1.9
DXG	24.5	8,034,890	3	TRUNG TÍNH	12,698	#N/A N/A	2.0
FCN	15.2	3,527,365	7	KHẢ QUAN	1,907	16.1	0.8
FLC	7.7	18,858,676	7	KHẢ QUAN	5,467	34.2	0.6
FPT	81	2,432,225	5	KHẢ QUAN	63,496	17.9	4.0
FRT	28.3	1,474,320	4	KHẢ QUAN	2,235	90.4	1.8
GAS	90.3	1,149,305	-5	TIÊU CỰC	172,830	22.4	3.6
GEX	22.45	5,623,145	-1	TRUNG TÍNH	10,820	13.5	1.6
GIL	70.9	611,945	-2	TRUNG TÍNH	2,551	6.1	1.9
GMD	32.8	2,340,285	-2	TRUNG TÍNH	9,885	29.0	1.7
GTN	24.5	1,741,125	-7	TIÊU CỰC	6,125	59.9	2.4
GVR	29.45	4,383,460	0	TRUNG TÍNH	117,800	27.5	2.5
HAG	5.23	7,248,425	4	KHẢ QUAN	4,850	#N/A N/A	0.8
HAH	25.1	1,793,440	0	TRUNG TÍNH	1,190	9.2	1.1
HBC	18.1	8,161,285	-2	TRUNG TÍNH	4,179	56.1	1.2
HCM	31.45	4,613,410	0	TRUNG TÍNH	9,594	18.1	2.2
HDB	26.8	4,390,595	4	KHẢ QUAN	42,713	10.0	1.9
HDC	44.15	1,241,375	-2	TRUNG TÍNH	2,937	12.7	2.6
HDG	47.35	1,807,785	7	KHẢ QUAN	7,305	7.5	2.3
HNG	12.5	8,669,535	6	KHẢ QUAN	13,857	644.9	1.6
HPG	46.1	20,644,390	0	TRUNG TÍNH	152,742	11.4	2.6
HPX	36.55	1,039,970	0	TRUNG TÍNH	9,667	35.2	3.0
HQC	3.29	15,268,560	6	KHẢ QUAN	1,568	163.4	0.4
HSG	28.3	9,802,965	-4	TIÊU CỰC	12,574	8.4	1.8
HUT	5.9	6,479,240	0	TRUNG TÍNH	1,585	#N/A N/A	0.5
HVN	30.3	1,406,895	0	TRUNG TÍNH	42,974	#N/A N/A	6.7
IDC	37.1	4,389,665	-6	TIÊU CỰC	11,130	36.9	3.1
IJC	30	7,841,495	-4	TIÊU CỰC	6,513	11.7	2.0
ITA	7.13	9,916,735	6	KHẢ QUAN	6,690	38.4	0.6
KBC	40.15	4,908,375	0	TRUNG TÍNH	18,861	110.5	2.0
KDC	50.8	1,223,220	-2	TRUNG TÍNH	11,620	51.0	2.0
KDH	31.25	1,554,195	-4	TIÊU CỰC	17,463	15.3	2.1
KSB	34	1,945,465	-2	TRUNG TÍNH	2,266	8.0	1.4
LCG	15.9	5,816,480	-5	TIÊU CỰC	1,832	5.9	1.0

LDG	7.93	6,412,935	6	KHẢ QUAN	1,899	158.6	0.6
LPB	16.15	12,882,480	4	KHẢ QUAN	17,355	9.3	1.2
MBB	28.65	19,772,790	4	KHẢ QUAN	80,184	9.7	1.7
MBS	22.8	2,011,905	-4	TIÊU CỰC	3,747	13.9	1.8
MSN	88	1,231,645	-2	TRUNG TÍNH	103,372	83.5	6.5
MWG	133.2	980,990	-2	TRUNG TÍNH	62,088	15.4	3.9
NKG	21.95	6,473,395	2	TRUNG TÍNH	3,775	12.9	1.2
NLG	35.4	1,806,310	-2	TRUNG TÍNH	9,745	11.9	1.7
NVB	14.4	5,935,995	-4	TIÊU CỰC	5,858	4,833.4	1.4
NVL	80.9	2,166,700	-2	TRUNG TÍNH	86,074	20.3	3.1
OIL	14.3	2,793,385	-2	TRUNG TÍNH	14,789	64.1	1.5
PDR	67.1	3,681,120	2	TRUNG TÍNH	26,583	22.7	5.2
PET	24.45	2,537,810	7	KHẢ QUAN	2,043	15.2	1.3
PHR	61.4	926,975	-3	TRUNG TÍNH	8,320	7.7	2.6
PLX	57.8	3,136,175	-2	TRUNG TÍNH	70,447	91.6	3.3
PNJ	83.5	478,315	2	TRUNG TÍNH	18,985	17.7	3.6
POW	13.6	15,365,765	0	TRUNG TÍNH	31,849	14.5	1.1
PVD	23.55	12,326,135	-2	TRUNG TÍNH	9,918	82.8	0.7
PVS	23.7	14,654,050	-4	TIÊU CỰC	11,328	17.5	0.9
PVT	18	5,381,025	0	TRUNG TÍNH	5,826	9.2	1.2
REE	53.9	920,955	-7	TIÊU CỰC	16,658	10.3	1.5
ROS	4.1	15,160,250	7	KHẢ QUAN	2,327	1,366.7	0.4
S99	29.8	2,015,445	-4	TIÊU CỰC	1,562	9.6	2.0
SBT	23.7	4,316,605	6	KHẢ QUAN	14,627	25.1	1.9
SCR	9.12	4,344,225	2	TRUNG TÍNH	3,341	18.8	0.7
SHB	18.7	28,581,880	7	KHẢ QUAN	32,735	11.9	1.4
SHS	27.5	7,384,910	-4	TIÊU CỰC	5,700	7.6	1.8
SSI	32.7	12,362,895	-7	TIÊU CỰC	19,588	15.6	2.0
STB	18.9	22,405,240	0	TRUNG TÍNH	34,089	12.7	1.2
SZC	41.1	1,052,565	-1	TRUNG TÍNH	4,110	22.1	3.3
TCB	39.85	13,390,020	0	TRUNG TÍNH	139,671	11.3	1.9
TCH	23.6	5,097,955	7	KHẢ QUAN	8,337	9.2	1.7
TDC	23.85	1,649,350	5	KHẢ QUAN	2,385	14.3	1.9
TNG	24	2,739,090	0	TRUNG TÍNH	1,909	11.4	1.5
TPB	28.5	4,149,655	0	TRUNG TÍNH	29,402	8.1	1.8
VCB	95.7	1,236,315	-4	TIÊU CỰC	354,940	19.2	3.6
VCI	61.3	1,115,220	5	KHẢ QUAN	10,151	13.1	2.2
VG T	19.2	2,333,530	-2	TRUNG TÍNH	9,600	34.1	1.6
VHC	42.25	1,219,085	2	TRUNG TÍNH	7,687	10.9	1.5
VHM	99.5	2,607,770	-4	TIÊU CỰC	327,307	11.8	3.8
VIC	105.4	1,270,500	-6	TIÊU CỰC	356,508	67.2	4.5
VIX	39	6,492,610	2	TRUNG TÍNH	4,981	15.2	2.8
VJC	134.6	630,645	-5	TIÊU CỰC	70,509	1,019.1	4.7
VND	28.5	4,848,015	-2	TRUNG TÍNH	5,982	8.5	1.6
VNM	101	3,099,955	-6	TIÊU CỰC	211,085	21.2	6.7
VPB	44.35	5,773,675	6	KHẢ QUAN	108,868	10.4	2.1
VPI	35.3	1,391,410	-4	TIÊU CỰC	7,060	23.0	2.6
VRE	34.8	4,683,280	6	KHẢ QUAN	79,077	33.2	2.7

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Dầu suy giảm bất chấp triển vọng kinh tế cải thiện

Giá dầu giảm nhẹ vào ngày thứ Hai (15/3), sau khi dầu Brent chạm mốc 70 USD/thùng khi dữ liệu cho thấy đà phục hồi kinh tế tại Trung Quốc đang tăng tốc, điều này đã bị lấn át bởi lo ngại về lạm phát. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Hai, hợp đồng dầu Brent lùi 34 xu xuống 68.88 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI mất 0.34% còn 65.39 USD/thùng

Xem xét ngừng xuất khẩu để tăng nguồn cung phân bón phục vụ trong nước

Trước tình hình giá phân bón tăng mạnh trong 3 tháng qua, ông Hoàng Trung, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn đã đề xuất ngừng xuất khẩu phân bón trong cuộc họp với Tổng thư ký Hiệp hội Phân bón Việt Nam và lãnh đạo 3 doanh nghiệp sản xuất phân bón DAP, MAP vừa diễn ra tại Hà Nội. Ông Trung đề nghị các doanh nghiệp tiếp tục tăng tối đa công suất sản xuất phân bón DAP, MAP và cho biết sẽ báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị Chính phủ xem xét tạm dừng xuất khẩu phân bón để đảm bảo nguồn cung trong nước với giá bán hợp lý nhất. Ông Trung cho biết thêm: để thực hiện đúng các quy định quản lý nhà nước, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tiếp tục cùng với Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương tiếp tục duy trì thuế tự vệ đối với phân bón. Thực tế hiện nay giá sản xuất phân bón DAP, MAP trong nước đang rẻ hơn so với phân bón nhập khẩu rất nhiều. Trong thời gian tới, Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ giao các đơn vị phối hợp với các địa phương tiến hành thanh tra, kiểm tra để phát hiện việc đầu cơ, tích trữ và bán phân bón giả. Đồng thời có văn bản hướng dẫn các địa phương tăng cường sử dụng các loại phân bón khác để tăng hiệu quả, giảm chi phí. Về thông tin giá DAP tăng, các doanh nghiệp sản xuất lý giải, giá tăng không phải do áp thuế tự vệ mà chủ yếu do giá DAP thế giới tăng. Đặc biệt, Trung Quốc đang tăng cường trồng ngô, đậu tương phục vụ nhu cầu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho tái đàn lợn sau dịch tả lợn châu Phi, dẫn đến nhu cầu sử dụng phân bón tăng mạnh.

EVN: Tỷ trọng năng lượng tái tạo tăng lên 83% năm 2045 sẽ gây áp lực rất lớn đến đầu tư

Vừa qua, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có góp ý dự thảo Quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2045 (Quy hoạch Điện VIII). Theo đó, EVN đánh giá, liên quan đến cơ cấu nguồn điện, đơn vị soạn thảo cần có đánh giá tỷ trọng tối đa của các dạng nguồn. Từ đó, đảm bảo an ninh năng lượng, đặc biệt là các nguồn dùng nhiên liệu nhập khẩu, tăng tỷ trọng của các nguồn truyền thống. Bên cạnh đó, đối với nguồn năng lượng tái tạo, cần xác định lại tỷ lệ nhất định để đưa vào cân bằng công suất trong cân đối nguồn - tải (dựa trên số giờ huy động công suất khả dụng và nguồn năng lượng tái tạo trên phạm vi tỉnh, vùng, toàn quốc) và khả năng dự phòng từ các nguồn khác khi nguồn năng lượng tái tạo không thể vận hành. EVN nhấn mạnh, liên quan đến các nguồn năng lượng tái tạo, chỉ xem xét cơ chế huy động ưu tiên tới mức quy định theo định hướng của Nghị quyết 55 đối với từng giai đoạn. Cụ thể, giai đoạn 5 năm đến 2030 là 15-20% năng lượng sơ cấp; đến 2045 là 25-30% năng lượng sơ cấp; tương đương 30% điện sản xuất năm 2030 và 40% điện sản xuất năm 2045). Ngoài ra, cần xác định rõ nhóm năng lượng tái tạo nằm ngoài nhóm được hưởng cơ chế ưu tiên huy động để có cảnh báo rõ ràng cho chủ đầu tư các dạng nguồn khác xem xét quyết định đầu tư, nhất là chế độ vận hành lên xuống tải thường xuyên và số giờ vận hành thấp. Bên cạnh chỉ tiêu tỷ trọng các dạng nguồn theo quy mô công suất đặt, cần có đánh giá tỷ trọng các nguồn theo nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tỷ trọng của các nguồn năng lượng tái tạo để có các kiến nghị về cơ chế, chính sách phù hợp. Theo EVN, với phương pháp phát triển nguồn được chọn, tỷ trọng nguồn năng lượng tái tạo theo phụ tải xu hướng tăng từ 55,4% hiện nay lên 83% vào năm 2045 sẽ gây áp lực rất lớn đến công tác đầu tư (đầu tư kép – phải có nguồn dự phòng cho năng lượng tái tạo), chi phí vận hành hệ thống điện.

TCM: lãi 15 tỷ tháng 2, tăng 57%

Công ty Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (HoSE: TCM) thông báo doanh thu tháng 2 đạt 9,6 triệu USD (221 tỷ đồng) và lãi sau thuế 644.199 USD (14,8 tỷ đồng); lần lượt giảm 24% và tăng 57% so với tháng 2/2020. Tuy nhiên, so với tháng trước, doanh nghiệp dệt may ghi nhận doanh thu giảm 38% và lợi nhuận giảm 36%. Dệt may Thành Công lý giải doanh thu và lợi nhuận không cao bằng tháng đầu năm là do trong tháng 2 có khoảng thời gian nghỉ Tết 10 ngày. Lũy kế 2 tháng đầu năm, doanh nghiệp ghi nhận 25 triệu USD (575 tỷ đồng) doanh thu, tăng 18% và 1,72 triệu USD (40 tỷ đồng), tăng 110% so với cùng kỳ năm trước.

POW: đăng ký bán khống lệnh gần 20 triệu cổ phiếu PV Machino từ 17/3

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, HoSE: POW) đăng ký bán toàn bộ hơn 19,9 triệu cổ phiếu CTCP Máy - Thiết bị Dầu khí (PV Machino, UPCoM: PVM) từ ngày 17/3 đến 15/4. Mục đích thực hiện giao dịch là thoái vốn theo kế hoạch tái cơ cấu tổng công ty, phương thức giao dịch là khớp lệnh. Trước đó, PV Power đã công bố quyết định HĐQT thoái vốn PV Machino với giá khởi điểm 21.500 đồng/cp. Tuy nhiên, giá bán có kèm theo điều kiện không được thấp hơn giá bình quân của 30 ngày giao dịch liên tiếp trên thị trường chứng khoán của PVM trước ngày phê duyệt phương án (22.800 đồng/cp) và không thấp hơn giá tham chiếu trước ngày phê duyệt phương án 1 ngày (21.700 đồng/cp). Cổ phiếu PVM chốt phiên ngày 15/3 ở mức giá 30.200 đồng/cp, tăng 62% kể từ đầu tháng 2

LIX: đạt kế hoạch lãi trước thuế năm 2021 giảm 23%, về 225 tỷ đồng

Bộ giặt LIX đạt chỉ tiêu doanh thu 2021 giảm 8,6% và lợi nhuận trước thuế giảm 23% so với năm 2020. Kết quả kinh doanh doanh nghiệp năm 2020 tăng nhờ nghiên cứu thành công dòng sản phẩm On1, đặc biệt là sản phẩm gel rửa tay khô On1

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



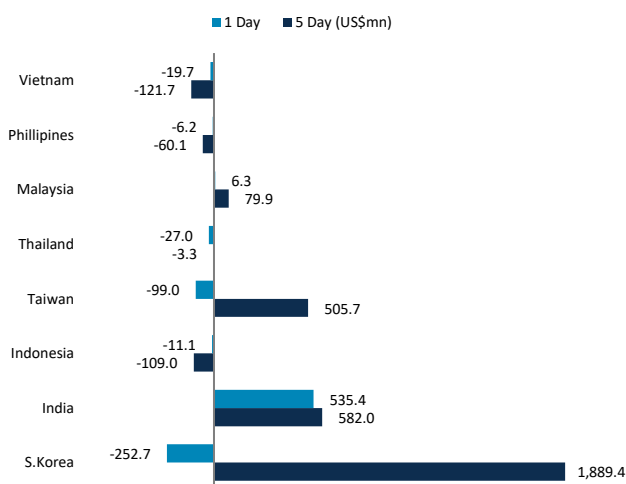
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



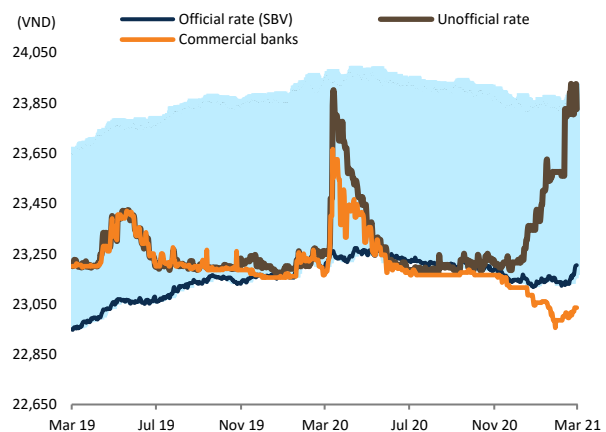
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



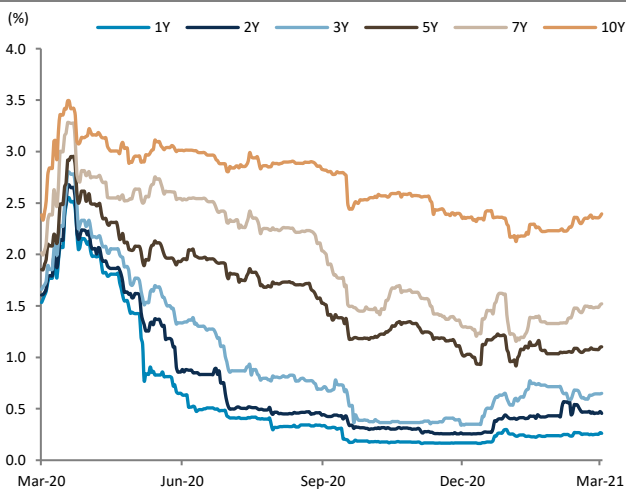
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



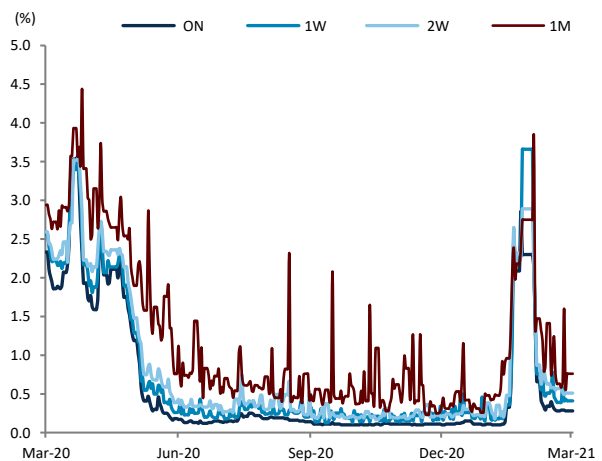
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21	
VN30 Index	VN30 Index	1,187.84	3,068,986		-0.3	2.1	5.2	70.1	15.3	12.9	2.6	2.3	18.3	17.6	19.3	
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,400	170,534	17.2	-1.4	1.3	3.9	29.3	17.6	11.5	2.0	1.7	52.2	13.2	16.9	
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	59,600	44,242	27.7	-0.8	1.2	-0.5	54.8	27.2	21.8	2.1	1.9	25.0	8.2	9.5	
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	37,700	140,372	28.0	-0.8	1.3	6.5	83.9	8.5	7.9	1.4	1.3	7.6	18.1	17.1	
CTCP FPT	FPT VN	81,000	63,496	49.0	5.9	8.0	8.6	95.7	16.1	13.8	3.6	3.1	15.9	25.1	25.8	
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	90,300	172,830	2.8	-0.9	-3.6	11.1	52.3	17.0	16.6	3.3	3.1	2.4	19.9	19.3	
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,800	42,713	17.0	0.6	3.3	11.2	103.8	7.8	6.9	NA	NA	13.1	19.5	18.7	
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	46,100	152,742	30.5	-0.9	0.5	10.3	189.6	9.2	8.2	2.0	1.7	11.5	25.9	23.3	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	31,250	17,463	35.5	-0.3	1.5	-2.0	61.2	14.3	10.8	2.0	1.7	31.8	15.5	17.6	
NHTMCP Quân đội	MBB VN	28,650	80,184	23.1	-0.9	4.9	15.8	102.1	7.9	6.6	1.4	1.2	19.2	20.1	20.1	
Tập đoàn Masan	MSN VN	88,000	103,372	32.3	-0.6	1.5	-0.8	77.8	41.2	22.7	5.1	4.1	81.9	14.6	20.9	
CTCP Thế giới di động	MWG VN	133,200	62,088	49.0	0.4	4.0	2.9	75.3	12.5	9.7	3.1	2.6	29.2	27.9	28.7	
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	80,900	86,074	6.7	-1.2	-1.3	2.4	58.6	21.4	19.9	2.6	2.2	7.7	10.4	9.4	
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	67,100	26,583	1.4	0.1	5.3	6.8	220.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	57,800	70,447	16.0	1.2	2.1	9.1	57.1	21.8	17.7	3.0	3.0	23.3	15.9	17.2	
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	83,500	18,985	49.0	-0.7	0.0	-0.1	45.7	15.2	12.1	3.2	2.5	26.0	23.2	24.7	
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	13,600	31,849	5.3	-0.7	0.0	10.1	53.2	14.6	12.9	1.1	1.0	13.0	7.5	7.9	
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	53,900	16,658	49.0	-1.8	-2.0	-5.4	92.2	9.3	7.8	1.3	1.2	19.9	14.7	15.3	
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	23,700	14,627	7.9	-0.4	4.9	8.2	60.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	32,700	19,588	42.8	-1.5	-1.1	3.0	185.2	13.7	13.6	NA	NA	0.5	13.5	12.8	
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	18,900	34,089	9.3	0.0	1.9	4.1	89.2	13.0	7.8	1.1	1.0	66.0	9.1	13.5	
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,850	139,671	22.5	-0.6	2.3	10.7	128.4	9.4	8.2	1.6	1.3	15.1	18.2	17.6	
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	23,600	8,337	5.5	4.0	5.6	10.8	0.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	28,500	29,402	30.0	-0.7	0.4	6.1	70.3	7.5	5.4	1.4	1.1	38.8	23.3	24.1	
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	95,700	354,940	23.6	-0.6	0.7	-1.5	42.6	17.0	13.6	3.0	2.6	24.7	20.3	21.3	
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,500	327,307	22.4	-0.3	1.3	2.8	38.6	10.6	8.9	2.9	2.2	19.8	30.5	28.2	
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	105,400	356,508	14.0	-0.6	1.1	-0.8	13.9	46.1	34.6	3.8	3.4	33.5	8.7	11.3	
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	134,600	70,509	19.3	-0.3	-0.2	4.3	34.6	65.2	23.1	4.3	3.4	182.7	7.6	18.8	
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	101,000	211,085	56.8	-1.2	0.5	-6.5	24.9	19.7	18.1	6.1	5.4	8.9	35.5	34.9	
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	44,350	108,868	23.4	-1.0	6.1	15.2	111.7	9.0	7.6	1.7	1.4	19.0	20.4	19.9	
CTCP Vincom Retail	VRE VN	34,800	79,077	31.0	1.0	2.1	10.3	46.8	26.7	21.0	2.5	2.2	27.5	9.7	11.4	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*	ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY21	FY20	FY21
VN-Index	-4.66	4,426,256	-0.4	1.5	5.8	57.8	18.2	14.9	2.5	2.4	22.1	13.7	17.8
Ô tô và phụ tùng	-0.02	8,280	-0.8	-0.4	7.6	54.3	5.8	5.4	1.0	1.0	25.8	10.9	10.6
Ngân hàng	-2.32	1,311,912	-0.6	-0.2	7.5	61.0	12.3	9.8	1.9	1.6	18.9	17.9	18.4
Xây dựng cơ bản	-0.15	176,486	-0.3	0.7	9.7	101.2	5.3	4.5	0.4	0.3	NA	5.5	5.5
Dịch vụ thương mại	-0.01	4,705	-0.9	-0.3	1.9	37.9	6.8	5.4	NA	NA	-29.7	11.2	13.1
May mặc và trang sức	-0.04	38,040	-0.4	-0.6	8.3	155.4	11.7	9.4	2.3	1.8	-6.2	18.3	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	-0.04	9,482	-0.6	-1.7	10.5	49.4	14.5	5.0	NA	NA	NA	3.8	9.9
Dịch vụ tài chính	-0.27	68,795	-1.4	-0.9	12.5	149.5	8.4	3.9	NA	NA	50.6	8.2	3.7
Năng lượng	0.15	89,506	0.7	2.8	9.5	71.5	21.5	16.8	2.6	2.5	-63.5	13.7	14.9
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.27	544,127	-0.2	0.3	-0.4	46.1	21.3	16.0	4.5	3.9	-14.3	22.4	23.4
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	975	-1.9	1.1	15.7	48.3	NA	NA	NA	NA	-40.0	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.04	13,139	-1.0	3.1	34.0	6.4	7.8	6.8	NA	NA	51.3	24.2	24.3
Bảo hiểm	-0.12	51,166	-0.9	-1.3	0.7	50.8	24.2	19.4	1.9	1.7	28.9	7.5	8.7
Nguyên vật liệu	-1.19	382,709	-1.1	-0.3	16.2	114.2	14.0	14.0	1.0	0.9	61.7	16.0	14.5
Giải trí và truyền thông	0.00	1,245	-0.5	-1.0	0.5	-43.1	NA	NA	NA	NA	-61.6	NA	NA
Dược phẩm	-0.05	35,497	-0.5	0.9	5.9	33.4	NA	NA	NA	NA	11.8	NA	NA
Bất động sản	-0.92	1,073,056	-0.3	-0.4	3.0	45.0	9.2	8.2	1.7	1.6	-25.4	9.8	9.8
Bán lẻ	0.05	70,329	0.3	0.5	2.9	76.3	23.0	17.8	2.6	2.2	-2.4	14.7	15.1
Phần mềm và dịch vụ	1.00	67,882	5.8	5.5	9.1	94.5	11.6	9.0	2.7	2.3	10.2	25.2	26.0
Thiết bị và phần cứng	0.08	5,655	5.6	17.9	54.9	543.0	15.0	12.9	3.3	2.9	48.6	23.4	24.1
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,154	-0.6	-5.5	17.3	263.6	15.1	12.3	3.9	3.1	14.2	26.9	26.6
Vận tải	0.06	176,242	0.1	0.5	7.8	48.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.61	262,304	-0.9	-2.3	9.5	45.9	28.9	11.1	4.8	3.9	-28.8	-18.3	11.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
FPT VN	81,000	5.88	5,111,000	0.94
SAB VN	180,600	2.03	91,200	0.62
PLX VN	57,800	1.23	4,964,600	0.23
VRE VN	34,800	1.02	5,860,500	0.21
MSB VN	21,900	1.86	6,608,200	0.11
TCH VN	23,600	3.96	9,215,400	0.08
DXG VN	24,500	2.51	8,698,900	0.08
DGW VN	131,500	5.62	276,400	0.08
GMD VN	32,800	2.66	2,630,500	0.07
TMS VN	48,000	6.90	66,000	0.07

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GVR VN	29,450	-2.81	4,671,800	-0.91
VNM VN	101,000	-1.17	4,121,100	-0.67
BID VN	42,400	-1.40	2,223,700	-0.64
VCB VN	95,700	-0.62	655,800	-0.59
VIC VN	105,400	-0.57	1,360,600	-0.54
GAS VN	90,300	-0.88	893,400	-0.41
HPG VN	46,100	-0.86	14,097,300	-0.35
CTG VN	37,700	-0.79	7,061,600	-0.30
VPB VN	44,350	-1.00	5,495,600	-0.29
NVL VN	80,900	-1.22	1,680,800	-0.28

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.